

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN 319**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN 319

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 319 DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 319 DEINVEST., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109737553

**3. Ngày thành lập:** 24/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 54TT9 Khu đô thị Văn Phú , Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989135679

Fax:

Email: [dautuphattrien319bqp@gmail.com](mailto:dautuphattrien319bqp@gmail.com) Website: [dautuphattrien319bqp.com](http://dautuphattrien319bqp.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229        |
| 8.  | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291        |
| 9.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292        |
| 10. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293        |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 12. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329        |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330        |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                                                 | 4649 |
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4662 |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                                                                                                                                                              | 4663 |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                            | 4752 |
| 23. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4753 |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 25. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0810 |
| 26. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2392 |
| 27. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2394 |
| 28. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2395 |

|     |                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                             | 2410 |
| 30. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                        | 2431 |
| 31. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                     | 2432 |
| 32. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                       | 2511 |
| 33. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                           | 2512 |
| 34. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                                | 2420 |
| 35. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                     | 2591 |
| 36. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                         | 2592 |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                 | 4933 |
| 38. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                          | 5210 |
| 39. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                           | 5224 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                              | 5225 |
| 41. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820 |
| 42. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                          | 7020 |
| 43. | Quảng cáo                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 44. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                               | 7710 |
| 45. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                       | 7730 |
| 46. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                  | 7110 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LƯƠNG<br>TRỌNG TÀI | 29 Thành Thái,<br>Phường Hàm<br>Rồng, Thành phố<br>Thanh Hoá, Tỉnh<br>Thanh Hoá, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.000.0<br>00 | 30.000.000.000           | 60,000       | 171684546                                                                                                              |            |
|     |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Tổng số                            | 3.000.0<br>00 | 30.000.000.000           | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ ĐÌNH<br>ĐÁNG    | Số 30 Phố C5,<br>Phường Hàm<br>Rồng, Thành phố<br>Thanh Hoá, Tỉnh<br>Thanh Hoá, Việt<br>Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 20,000       | 171289852                                                                                                              |            |
|     |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              | Tổng số                            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                                |                           |           |                |        |              |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ THỊ HƯƠNG | P605 Đơn nguyên A Lô C, ô D5 , Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 20,000 | 038188000227 |
|   |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                | Tổng số                   | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 20,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: LƯƠNG TRONG TÀI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 15/03/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 171684546

Ngày cấp: 17/03/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 29 Thành Thái, Phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: *BT5 Vinhomes Botania Hàm Nghi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội